

BẢN SAO

**CÔNG TY MẸ
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI**

*Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(đã được kiểm toán)*

UBND PHƯƠNG NGUYỄN DU, HBT - HÀ NỘI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 23 -01- 2014
Số 1112 Quyển 01 SCT/BS



CHỦ TỊCH
Trần Thị Tuyết Lan

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban giám đốc	2-3
Báo cáo kiểm toán	4-5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	6-8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội là Tổng Công ty Nhà nước chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng và của các cơ quan quản lý Nhà nước khác theo pháp luật, được thành lập theo quyết định số 990/BXD-TCLĐ ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Theo Quyết định số 55/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ v/v thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị, Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội đã được chuyển giao quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu Nhà nước cho Hội đồng quản trị Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị trong Quý I/2010. Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội trở thành công ty con do Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội được chuyển đổi sang mô hình Công ty TNHH Một thành viên thành Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - Công ty TNHH TMV theo quyết định số 152/HUD-HĐTV ngày 30/06/2010 của Tập đoàn Phát triển nhà và Đô thị Việt Nam.

Ngày 02 tháng 10 năm 2012, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 1428/QĐ-TTg kết thúc thí điểm hình thành Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị Việt Nam. Căn cứ Quyết định này, Bộ xây dựng đã ra Quyết định số 918/QĐ-BXD ngày 18/10/2012 về việc chuyển giao Quyền và nghĩa vụ Chủ sở hữu vốn nhà nước tại Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội từ Công ty mẹ - Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị Việt Nam về Bộ Xây dựng. Từ ngày 30 tháng 09 năm 2012 giá trị vốn nhà nước tại Tổng Công ty Xây Dựng Hà Nội được chuyển giao về Bộ Xây Dựng quản lý.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 110725 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 5 năm 1996 và đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 25 tháng 01 năm 2013 vốn điều lệ của Tổng công ty là 1.200 tỷ đồng.

Trụ sở chính của Văn phòng Tổng Công ty tại: số 57 - Quang Trung - Hà Nội

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng thành viên bao gồm:

Ông: Nghiêm Sỹ Minh	Quyền Chủ tịch Hội đồng
Ông: Ngô Xuân Bắc	Ủy viên Hội đồng

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên và Kế toán trưởng bao gồm:

Ông: Bùi Xuân Dũng	Quyền Tổng Giám đốc
Ông: Mai Trung Huân	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Nguyễn Minh Cương	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Đào Xuân Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Đỗ Anh Tuấn	Kiểm soát viên
Ông: Dương Ngọc Quang	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 cho Công ty mẹ Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Bùi Xuân Dũng

Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội*

Kính gửi: **Hội đồng Thành viên, Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội được lập ngày 10 tháng 10 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 6 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

Các khoản công nợ chưa có đối chiếu, xác nhận đầy đủ.

Hợp đồng hợp tác đầu tư số 2750/2006/HANCORP ngày 30/12/2006 và phụ lục số 1 ngày 24/04/2009 giữa Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội và Công ty Cổ Phần Đầu tư Phát triển Nhà và Xây dựng Tây Hồ đã đến giai đoạn hoàn tất việc mua bán, tuy nhiên các bên chưa hoàn thành các bước công việc để phân chia quyền lợi và nghĩa vụ giữa các bên. Điều này sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh, theo đó các chi phí phát sinh liên quan đến dự án đang được Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội phản ánh trên khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" mà chưa phân chia cho đối tác. Điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tổng Công ty.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc các điểm sau:

- (1) Việc xác định giá vốn chuyển nhượng của dự án chung cư 28 tầng Làng quốc tế Thăng Long đang được căn cứ vào dự toán. Số liệu này có thể thay đổi khi có quyết toán cuối cùng của dự án. Việc ghi nhận doanh thu của dự án này được căn cứ vào “Biên bản thỏa thuận về việc quản lý căn hộ” được ký kết giữa Ban quản lý các dự án Phát triển nhà và Đô thị (trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội) và chủ căn hộ mà chưa có Biên bản bàn giao chính thức của chủ đầu tư và người mua.
- (2) Trong năm, Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội đang thực hiện điều chỉnh một phần số liệu theo Biên bản kiểm toán nhà nước vào số liệu phát sinh của năm 2012, một phần được điều chỉnh vào Lợi nhuận chưa phân phối của năm.

Báo cáo này được thay thế cho báo cáo số 979/2013/BC.KTTC-AASC.KT3 ngày 26/05/2013 do điều chỉnh số liệu so sánh của năm 2011 theo Biên bản kiểm toán nhà nước.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Cát Thị Hà
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 0725-2013-002-1
Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2013

Phạm Thị Xuân Thu
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1462-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2012

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/12 VND
TÀI SẢN				
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.382.419.363.510	2.381.464.587.494
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	144.356.496.084	77.396.436.150
111	1. Tiền		144.356.496.084	76.796.436.150
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	600.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	4.439.250.000	4.439.250.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		4.439.250.000	4.439.250.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.328.931.207.357	1.388.362.544.076
131	1. Phải thu của khách hàng		695.836.693.667	695.888.200.901
132	2. Trả trước cho người bán		297.343.827.275	371.628.449.816
135	5. Các khoản phải thu khác	5	335.750.686.415	320.845.893.359
140	IV. Hàng tồn kho	6	900.760.808.249	907.753.386.453
141	1. Hàng tồn kho		900.760.808.249	907.753.386.453
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.931.601.820	3.512.970.815
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	5.927.661
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		272.568.207	3.500.000
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	-	1.790.931.066
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	3.659.033.613	1.712.612.088
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.227.794.861.542	1.226.989.609.751
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		28.846.403.702	29.818.868.782
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	24.405.094.599	25.245.013.012
222	- Nguyên giá		52.174.780.080	49.934.261.898
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(27.769.685.481)	(24.709.248.886)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	3.881.159.103	4.013.705.770
228	- Nguyên giá		4.134.200.000	4.134.200.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(253.040.897)	(120.494.230)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	560.150.000	560.150.000
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	1.181.529.469.307	1.177.000.719.307
251	1. Đầu tư vào công ty con		370.126.628.404	370.126.628.404
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		784.916.516.351	780.387.766.351
258	3. Đầu tư dài hạn khác		26.486.324.552	26.486.324.552
260	V. Tài sản dài hạn khác		17.418.988.533	20.170.021.662
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	5.197.528.881	3.626.000.120
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		11.211.459.652	15.534.021.542
268	3. Tài sản dài hạn khác		1.010.000.000	1.010.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.610.214.225.052	3.608.454.197.245

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2012

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/12 VND
NGUỒN VỐN				
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		2.681.115.580.055	2.705.415.057.888
310	I. Nợ ngắn hạn		2.083.907.548.704	2.670.714.651.964
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	422.325.311.803	361.709.386.281
312	2. Phải trả cho người bán		376.582.696.482	331.623.986.604
313	3. Người mua trả tiền trước		909.267.459.239	1.332.085.813.997
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	38.005.368.039	98.426.895.903
315	5. Phải trả người lao động		4.261.863.220	1.822.329.126
316	6. Chi phí phải trả	16	168.089.041.743	363.737.819.952
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	153.242.247.289	168.790.308.637
323	11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		12.133.560.889	12.518.111.464
330	II. Nợ dài hạn		597.208.031.351	34.700.405.924
333	3. Phải trả dài hạn khác	18	509.692.490.168	
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	822.455.652
338	8. Doanh thu chưa thực hiện	19	87.515.541.183	33.877.950.272
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		929.098.644.997	903.039.139.357
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	929.071.644.997	903.039.139.357
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		923.099.147.457	897.035.144.220
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		4.829.460.594	4.829.460.594
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		22.000.314	14.551.609
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.121.036.632	1.121.036.632
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		-	38.946.303
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		27.000.000	-
432	1. Nguồn kinh phí		27.000.000	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.610.214.225.052	3.608.454.197.245

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.590.172.059.840	1.670.741.742.169
02	2. Các khoản giảm trừ	22	10.877.272	125.618.069
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.590.161.182.568	1.670.616.124.100
11	4. Giá vốn hàng bán	23	1.521.762.963.040	1.526.555.279.810
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		68.398.219.528	144.060.844.290
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	76.816.422.478	85.262.383.679
22	7. Chi phí tài chính	25	51.492.789.505	19.544.978.292
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		51.492.789.505	16.844.090.010
24	8. Chi phí bán hàng		-	15.000.000
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	58.417.638.021	70.256.059.291
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		35.304.214.480	139.507.190.386
31	11. Thu nhập khác	27	1.490.937.380	13.041.791.802
32	12. Chi phí khác		97.164.610	1.523.065.499
40	13. Lợi nhuận khác		1.393.772.770	11.518.726.303
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		36.697.987.250	151.025.916.689
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	1.292.420.393	32.756.096.494
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		4.322.561.890	(11.084.432.853)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		31.083.004.967	129.354.253.048



Người lập biểu
Nguyễn Quang Huy



Dương Ngọc Quang
Kế toán trưởng



Bùi Xuân Dũng
Quyền Tổng giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2012
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.780.178.609.324	1.686.173.286.477
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(1.532.763.911.385)		(1.590.412.410.702)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(60.563.991.882)		(47.599.150.396)
04	4. Tiền chi trả lãi vay	(52.758.602.345)		(109.561.935.084)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(13.353.738.786)		(73.900.458.131)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	70.174.731.717		176.796.755.241
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(297.608.865.487)		(285.816.594.134)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(106.695.768.844)	(244.320.506.729)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản DH k	(2.294.767.455)		(12.364.713.678)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khá	-		32.536.364
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-		(100.439.250.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị kh	-		95.400.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(9.500.000.000)		(134.260.050.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-		-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	65.694.162.633		52.060.460.448
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		53.899.395.178	(99.571.016.866)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở h		-	-
32	hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	701.329.641.727		570.901.663.557
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(581.573.208.127)		(457.215.608.290)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-		-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-		-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		119.756.433.600	113.686.055.267
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		66.960.059.934	(230.205.468.328)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		77.396.436.150	307.597.473.420
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			4.431.058
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		144.356.496.084	77.396.436.150

Người lập biểu
Nguyễn Quang Huy

Dương Ngọc Quang
Kế toán trưởng

Bùi Xuân Dũng
Quyền Tổng giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2013



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội là Tổng Công ty Nhà nước chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng và của các cơ quan quản lý Nhà nước khác theo pháp luật, được thành lập theo quyết định số 990/BXD-TCLĐ ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội là Tổng Công ty Nhà nước được chuyển đổi thành mô hình Công ty TNHH Một thành viên thành Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - Công ty TNHH TMV theo quyết định số 152/HUD-HĐTV ngày 30/06/2010 của Tập đoàn Phát triển nhà và Đô thị Việt Nam.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 110725 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 5 năm 1996 và đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 25 tháng 01 năm 2013 vốn điều lệ của Tổng công ty là 1.200 tỷ đồng.

Trụ sở chính của Văn phòng Tổng Công ty được đặt tại 57 Quang Trung, Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là: xây dựng và kinh doanh bất động sản

Ngành nghề kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình hữu ích;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Cắt tạo đá và hoàn thiện đá;
- Sản xuất các sản phẩm từ khoáng chất phi kim loại khác chưa được phân vào đâu;
- Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng chi tiết;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng kinh doanh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Kinh doanh dịch vụ thể thao và vui chơi giải trí (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh bất động sản;
- Quản lý và vận hành nhà chung cư;
-

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	6 năm
- Phương tiện vận tải	6 năm
- Thiết bị văn phòng	3-5 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Tổng Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích.

2.8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như các Tài sản cố định khác của Tổng công ty

2.9. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Việc theo dõi các khoản đầu tư vào công ty con căn cứ vào Quyết định số 50/QĐ-BXD ngày 12/01/2007 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con và Theo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Xây dựng Hà Nội đã được phê duyệt tại quyết

3100
C
ACH
NG
A
7/12/12

định số 1009/HUD - HDTV ngày 22/12/2011 của Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô Thị (HUD). Vì vậy, tỷ lệ quyền kiểm soát trong trường hợp này không tương ứng với tỷ lệ lợi ích.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

05
TV
LƯU NH
TOÁN
HÀ NỘI

2.12. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.13. Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

2.15. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo Hóa đơn tài chính phát hành và Bảng thanh toán khối lượng hoàn thành.

2.17. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế TNDN hoãn lại phát sinh tại Tổng Công ty trong năm là nghĩa vụ thuế xác định theo tiền thu trước của khách hàng của dự án phát sinh.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	01/01/12
	VND	VND
Tiền mặt	2.295.628.087	1.092.518.700
Tiền gửi ngân hàng	142.060.867.997	75.703.917.450
Các khoản tương đương tiền	-	600.000.000
Cộng	144.356.496.084	77.396.436.150

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/12
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	4.439.250.000	4.439.250.000
Cộng	4.439.250.000	4.439.250.000

(*): Đây là khoản tiền ngân hàng giữ lại 10% bảo lãnh thực hiện hợp đồng và coi như một khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng.

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	01/01/12
	VND	VND
Cổ tức phải thu	58.613.378.929	55.226.732.322
Lãi tiền ứng trước các công trình xây lắp phải thu	49.559.525.781	49.255.442.608
Nhận nợ vay nhà 28 tầng - Công ty CPĐT PT nhà Tây Hồ	33.355.857.186	33.355.857.186
Phải thu Phí bảo lãnh công trình	4.392.650.595	3.225.143.820
Phải thu tiền nhận từ giải thể công ty liên kết Econ	629.538.323	629.538.323
Phải thu khác (*)	189.199.735.601	179.153.179.100
Cộng	335.750.686.415	320.845.893.359

(*) Trong số dư các khoản phải thu này, bao gồm số dư nợ gốc các khoản ứng trước các công trình xây lắp với Tổng Xây Dựng Hà Nội đến ngày 31/12/2012.

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/12
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	1.875.000	3.275.000
Chi phí SXKD dở dang (*)	900.730.505.090	907.730.634.606
Hàng hóa	28.428.159	19.476.847
Cộng	900.760.808.249	907.753.386.453

(*) Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang một số Công trình, dự án lớn:

Dự án của Tổng Công ty	711.842.226.631	718.211.474.750
Công trình Chung cư 28 tầng Làng quốc tế Thăng Long	524.745.558.914	569.635.856.070
Dự án 343-345 Đội Cấn	22.255.091.000	22.255.091.000
Dự án Nhơn Trạch	-	3.728.713.509
Biệt thự 28-06 DA Nhơn Trạch	1.467.963.718	-
Dự án Nhà ở cao tầng N01-T8-NGĐ	89.829.794.898	49.047.996.070
Dự án Ngoại giao đoàn - 2 Tuyến đường Ngân sách	73.543.818.101	73.543.818.101

<i>Chi phí sản xuất kinh doanh các công trình xây lắp</i>	<i>88.551.477.002</i>	<i>136.249.326.655</i>
<i>10 biệt thự Trung tâm HNQG</i>	<i>-</i>	<i>19.595.319.648</i>
<i>Công trình Park city Hà Đông</i>	<i>43.555.143.228</i>	<i>16.720.949.963</i>
<i>Công trình Ký túc xá Sinh viên ĐHQG Hồ Chí Minh</i>	<i>25.921.988.806</i>	<i>59.534.502.243</i>
<i>Công trình BT28-06 KDC PA-LT</i>	<i>-</i>	<i>1.311.251.396</i>
<i>Công trình Bón trồng cây khu A2&A3</i>	<i>-</i>	<i>754.672.550</i>
<i>Khu Công viên thể thao ĐV2</i>	<i>-</i>	<i>1.429.831.652</i>
<i>Công trình cải tạo Kênh Nước Đen HD 206/HĐKT</i>	<i>1.447.122.129</i>	<i>1.257.436.152</i>
<i>Lát vỉa hè Khu A2-1 DA KDC PA-LT</i>	<i>-</i>	<i>1.042.734.257</i>
<i>Công trình Lát vỉa hè khu A2-2&A3</i>	<i>-</i>	<i>1.728.407.702</i>
<i>Công trình sửa chữa Nhà 1C5</i>	<i>-</i>	<i>1.227.642.697</i>
<i>Tòa nhà CT12,CT34 - Làng BIDV</i>	<i>9.951.083.916</i>	<i>14.432.810.744</i>
<i>Dự án chung cư Trần Hưng Đạo, Quảng Ninh</i>	<i>2.263.345.991</i>	<i>5.427.758.979</i>
<i>Dự án Viettel Lạng Sơn</i>	<i>5.412.792.932</i>	<i>5.523.928.213</i>
<i>Dự án Quân Thánh</i>	<i>-</i>	<i>6.262.080.459</i>

Cộng	800.393.703.633	854.460.801.405
-------------	------------------------	------------------------

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/12</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế GTGT	-	1.790.931.066
Cộng	-	1.790.931.066

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/12</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tạm ứng	3.599.033.613	1.712.612.088
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	60.000.000	-
Cộng	3.659.033.613	1.712.612.088

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

(Chi tiết tại phụ lục số 01)

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Khác	Cộng TSCĐ vô hình
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ					
Số đầu kỳ	1.297.200.000		65.000.000	2.772.000.000	4.134.200.000
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	1.297.200.000	-	65.000.000	2.772.000.000	4.134.200.000
Hao mòn TSCĐ					
Số đầu kỳ			37.334.230	83.160.000	120.494.230
Tăng trong kỳ	-	-	21.666.667	110.880.000	132.546.667
- Trích khấu hao TSCĐ			21.666.667	-	21.666.667
- Hao mòn TSCĐ		-	-	110.880.000	110.880.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	-	59.000.897	194.040.000	253.040.897
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	1.297.200.000	-	27.665.770	2.688.840.000	4.013.705.770
Số cuối kỳ	1.297.200.000	-	5.999.103	2.577.960.000	3.881.159.103

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012	01/01/12
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định - Đầu tư đất Đông Anh	560.150.000	560.150.000
Cộng	560.150.000	560.150.000

12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/12
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	370.126.628.404	370.126.628.404
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng	44.077.250.000	44.077.250.000
Công ty Cổ phần Lắp máy và Điện nước	9.000.000.000	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 34	6.054.750.000	6.054.750.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư và Xây dựng	6.896.100.000	6.896.100.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội	58.766.838.000	58.766.838.000
Công ty Cổ phần Bạch Đằng	2.970.600.000	2.970.600.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4	44.800.950.000	44.800.950.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế XD KD Nhà	1.845.000.000	1.845.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	8.421.600.000	8.421.600.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 6 (Trung Đô)	32.630.130.000	32.630.130.000
Công ty Cổ phần Bê tông Xây dựng Hà Nội	23.841.000.000	23.841.000.000
Công ty Cổ phần Thi Công Cơ giới và Xây lắp	10.500.000.000	10.500.000.000
Công ty Cổ phần XD Đô thị và KCN Quảng Ngãi	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển KT Xây dựng	4.916.000.000	4.916.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư PT Nhà và XD Tây Hồ	14.025.800.000	14.025.800.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh	31.463.000.000	31.463.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng K2	3.706.000.000	3.706.000.000
Công ty Cơ khí và Xây lắp	2.845.200.000	2.845.200.000
Công ty Liên doanh Xây dựng VIC	16.366.410.404	16.366.410.404
Công ty CP đầu tư và DV BĐS Hancorp	9.000.000.000	9.000.000.000
Công ty CP Thiết bị và VLXD Hancorp	32.000.000.000	32.000.000.000

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	784.916.516.351	780.387.766.351
Công ty Liên doanh Quốc tế Hồ Tây	51.932.880.000	51.932.880.000
Công ty Cổ phần BOT Phú Mỹ	83.990.800.000	83.990.800.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong	81.837.070.000	81.837.070.000
Công ty Cổ phần Xi măng Mỹ Đức	149.555.309.131	149.555.309.131
Công ty Cổ phần ĐT và XD Quốc Tế VIGIBA	66.276.227.500	66.276.227.500
Công ty Cổ phần Xây dựng Lạc Hồng	8.100.000.000	8.100.000.000
Công ty Cổ phần ĐT XD Bất động sản Lanmak	18.900.000.000	18.900.000.000
Công ty Cổ phần Ngôi sao An Bình	77.000.000.000	77.000.000.000
Công ty Cổ phần Sahabak	15.195.479.720	11.195.479.720
Công ty CP Đầu tư đảo Că	229.128.750.000	228.600.000.000
Công ty CP Phát triển Đầu tư Bắc Hà Nội	3.000.000.000	3.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	26.486.324.552	26.486.324.552
Công ty Cổ phần ĐT XD Đô thị Việt Nam	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty CP ĐT&PT CIE-CMC-Vinaconex	1.474.200.000	1.474.200.000
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	9.229.455.000	9.229.455.000
Đất Đồng Mô	320.985.552	320.985.552
Đầu tư vào Công ty Chứng khoán Dầu khí	1.000.000.000	1.000.000.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Gas Đô thị	2.181.000.000	2.181.000.000
Công ty CP Đầu tư và PTXD 1 HN (Investco 1)	1.519.000.000	1.519.000.000
Đầu tư Thủy điện Tuyên Quang	4.500.000.000	4.500.000.000
Hầm Tam Đảo	45.460.000	45.460.000
Công ty BOT xe điện mặt đất số 1	3.216.224.000	3.216.224.000
Cộng	1.181.529.469.307	1.177.000.719.307

Chi tiết thuyết minh các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết, liên doanh được chi tiết tại phụ lục số

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/12
	VND	VND
Giá trị Cốp pha, thép hình	2.090.945.316	2.336.033.130
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.863.332.316	656.725.054
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	243.251.249	633.241.936
	5.197.528.881	3.626.000.120

14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/12
	VND	VND
Vay ngắn hạn	422.325.311.803	361.709.386.281
Vay ngắn hạn	365.182.533.474	304.488.244.365
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	199.893.180.426	135.692.829.172
SGD 1 - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	165.289.353.048	114.449.682.790
Ngân hàng Thương mại CP Quốc tế Việt Nam	-	44.628.374.812
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt Chi nhánh Hà Nội	-	8.590.582.091
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	-	1.126.775.500
Vay đối tượng khác	57.142.778.329	57.221.141.916
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	422.325.311.803	361.709.386.281

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/12
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	29.388.237.207	63.487.834.522
Thuế TNDN	7.403.810.896	34.165.940.213
Thuế thu nhập cá nhân	1.213.319.936	355.061.168
Các loại thuế khác	-	418.060.000
Cộng	38.005.368.039	98.426.895.903

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	01/01/12
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	880.235.826	994.750.477
Trích trước chi phí của các dự án	8.079.315.479	291.507.008.973
Dự án Hạ tầng Ngoại giao đoàn	-	288.492.280.764
Trích trước chênh lệch giữa giá bán và giá thành diện tích căn hộ phải trả lại thành phố(*)	6.986.208.408	-
Dự án Nhơn Trạch	-	3.014.728.209
Cụm biệt thự song lập Làng QT Thăng Long	1.093.107.071	-
Trích trước chi phí của các công trình	159.129.490.438	69.439.978.778
VPQ, Hội - 22 Hùng Vương	55.626.383.787	-
Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu - Bến Tre	9.767.573.763	-
KĐT mới Lào cai Cam đường	10.514.686.534	-
Cty Điện Lực TP HCM	938.257.267	-
Kho bạc ba đình	445.592.315	-
Cty Điện Lực TP HCM	124.254.215	-
Nhà ở SV ĐH thái nguyên	-	362.727.273
DA- Nhơn trạch hạ tầng giao thông, thoát nước	616.543.025	-
QL 32 đoạn cầu diên nhón	18.384.538.198	-
Công trình lắp đặt Tủ tin học VTQG-57 huyện thúc kháng	1.809.278.256	-
Công trình Thăng Long Việt Trì	7.873.538.899	-
Công trình thoát nước chợ rã	2.432.880.159	-
Công trình BCH Lạng Sơn	1.405.159.119	1.405.159.119
C.trình Trường ĐH Tài nguyên - Môi trường	-	2.772.545.031
Trường VTLT TW2 tại Đà lạt	-	12.423.542.927
VPQ, Hội - 22 Hùng Vương	-	2.474.154.350
Trích trước giá vốn của Công trình Trung tâm hội nghị quốc gia (điều chỉnh theo kiểm toán nhà nước)	49.190.804.901	49.190.804.901
Các công trình khác	-	811.045.177
Chi phí phải trả khác	-	1.796.081.724
Cộng	168.089.041.743	363.737.819.952

(*) Theo quyết định số 123/2001/QĐ-UBND ngày 06/12/2001 của UBND Thành phố Hà Nội thì: "Đối với dự án kinh doanh hạ tầng, xây dựng nhà ở để bán, chủ đầu tư phải giành 20% quỹ đất ở (hoặc 30% quỹ nhà) để bổ sung vào quỹ nhà ở thành phố". Vận dụng quyết định này, Tổng công ty đang thực hiện trích trước vào chi phí phân chênh lệch giữa giá thành và giá bán phần diện tích của 30% căn hộ để phải lại thành phố. Nghiệp vụ được hiểu như là tổng công ty mua lại các căn hộ này theo giá bán và bán cho khách hàng.

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/12
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.423.171.324	1.165.106.546
Bảo hiểm xã hội	873.574.861	195.708.879
Bảo hiểm y tế	126.550.079	66.640.828
Bảo hiểm thất nghiệp	53.584.051	17.791.727
Tiền góp vốn vào Công ty Sahabak	-	2.300.000.000
Tiền góp vốn vào Công ty CP xi măng Mỹ Đức	-	9.793.145.000
Phí quản lý mặt bằng phải trả	2.663.568.000	2.663.568.000
Công ty Cổ phần ĐT và XD Quốc Tế VIGEB A ứng trước tiền cổ tức	-	79.496.000.000
Công nợ bán giao của trung tâm Hamex	810.277.715	810.277.715
Thu tiền làm sổ đỏ cho khách hàng	-	204.539.284
Lỗ của Công ty Xây Dựng Quốc tế	-	1.742.697.800
Phải trả tiền vay (*)	54.372.462.393	-
Lãi vay phải trả	500.000.000	-
Khoản góp vốn dự án Chung cư 28 tầng Làng quốc tế Thăng Long của công ty CP Đầu tư và Phát Triển nhà Tây Hồ (**)	54.000.000.000	-
Các khoản phải trả khác	47.453.060.750	70.334.832.858
Cộng	153.242.247.289	168.790.308.637

(*): Đây là các khoản vay cá nhân và đối tượng khác tại Trung tâm Quản lý và điều hành dự án: Các khoản vay không có quy định về lãi suất.

(**): Đây là khoản vốn góp liên quan hợp đồng hợp tác đầu tư số 2750/2006/HANCORP ngày 30/12/2006 và phụ lục số 1 ngày 24/04/2009 giữa Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội và Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà và Xây dựng Tây Hồ

18 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012	Năm 2011
	VND	VND
Nhận góp vốn vào Công ty Xi măng Mỹ Đức	9.793.145.000	-
Nhận góp vốn vào Công ty Bất động sản Hancorp	680.000.000	-
Tiền ứng trước cổ tức của Công ty CP Quốc tế VIGEB A (*)	60.946.000.000	-
Tiền góp vốn vào Công ty Sahabak	2.300.000.000	-
Chi phí phải trả của dự án Hạ tầng Ngoại giao đoàn (**)	247.758.345.168	-
Các khoản ứng trước của khách hàng liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng VP thấp Tây - chung cư 28 tầng	188.215.000.000	-
Cộng	509.692.490.168	-

(*): Theo nội dung UNC chuyển tiền của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây Dựng Quốc Tế VIGEB A thì đây là khoản tạm ứng cổ tức. Tuy nhiên chưa có một thông báo chính thức nào của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây Dựng Quốc Tế VIGEB A về khoản cổ tức được hưởng này cho nên Tổng công ty chưa có cơ sở xác định và ghi nhận khoản cổ tức này. Số dư đầu năm của đối tượng công nợ này là: 79.496.000.000 đồng được phản ánh trên khoản mục Phải trả, phải nộp ngắn hạn. Số giảm trong năm là cổ tức được hưởng của năm 2012.

19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2012	VND
	VND	VND
HĐ 386/2010-Hạ tầng biệt thự NGĐ	14.099.400.000	14.099.400.000
HĐ 310/HĐMB-VP tầng 08 tháp Tây	19.778.550.272	19.778.550.272
Trung tâm thương mại khối 3 tầng nhà 28 tầng Làng Quốc tế Thăng L	53.609.500.000	-
Doanh thu cho thuê nhà (Xí nghiệp Dịch vụ)	28.090.911	-
Cộng	87.515.541.183	33.877.950.272

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (phụ lục 03)

b. Phân phối lợi nhuận

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	38.946.303	
Phát sinh tăng trong kỳ	31.083.004.967	129.840.134.453
Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng trong kỳ	31.083.004.967	129.354.253.048
Điều chỉnh theo kiểm toán nhà nước	-	-
Tăng do kết chuyển lợi nhuận các đơn vị thành viên	-	485.881.405
Lợi nhuận sau thuế giảm trong kỳ	31.121.951.270	129.801.188.151
Các khoản giảm trừ lợi nhuận sau thuế	3.500.001	-
Trích Quỹ đầu tư phát triển tăng vốn nhà nước	22.959.606.818	110.362.060.097
Trích Quỹ dự phòng tài chính tăng vốn nhà nước	3.111.845.127	12.984.013.445
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.046.999.324	6.455.114.609
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối cuối kỳ	-	38.946.303

21 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	383.021.812	278.719.098
Doanh thu dự án hạ tầng	227.727.654.933	452.296.270.001
Dự án Hạ tầng Ngoại giao đoàn	(3.370.527.273)	452.296.270.001
Dự án 28 tầng Làng Quốc tế Thăng Long	209.979.906.297	-
Biệt thự Làng Quốc tế Thăng Long	21.118.275.909	-
Doanh thu cho thuê VP và Dịch vụ	27.210.554.248	16.300.910.073
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.334.850.828.847	1.201.866.742.997
Cộng	1.590.172.059.840	1.670.741.742.169

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	10.877.272	125.618.069
Cộng	10.877.272	125.618.069

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn hàng hóa	252.089.359	183.210.843
Giá vốn dự án hạ tầng	196.901.768.401	350.314.917.378
<i>Dự án Hạ tầng Ngoại giao đoàn</i>	-	350.314.917.378
<i>Dự án 28 tầng Làng Quốc tế Thăng Long</i>	191.360.849.210	-
<i>Biệt thự Làng Quốc tế Thăng Long</i>	5.540.919.191	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.066.421.370	2.593.665.528
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	1.319.542.683.910	1.173.463.486.061
Cộng	1.521.762.963.040	1.526.555.279.810

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.808.432.024	19.265.469.148
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	225.065	41.359.272
Cổ tức, lợi nhuận sau thuế được chia	63.007.765.389	65.373.524.680
Cộng	76.816.422.478	85.262.383.679

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí lãi vay	51.492.789.505	16.844.090.010
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	2.670.461.677
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	-	30.426.605
Cộng	51.492.789.505	19.544.978.292

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	423.306.502	1.241.563.548
Chi phí nhân công	38.133.787.421	45.927.681.682
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.038.897.062	2.814.121.708
Thuế, phí và lệ phí	210.997.588	454.811.499
Chi phí dự phòng	122.882.379	278.282.101
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.201.760.746	18.430.436.929
Chi phí khác bằng tiền	1.286.006.323	1.109.161.824
Cộng	58.417.638.021	70.256.059.291

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Phí chuyển nhượng hợp đồng	85.446.340	207.742.660
Lãi chậm trả dự án Nhơn Trạch	544.067.031	-
Phân bổ lại chi phí 04 Biệt thự Lăng Quốc tế Thăng Long - Phần chi phí đã kết chuyển những kỳ trước (Điều chỉnh theo KTNN)	-	11.109.328.453
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	703.868.544	-
Tiền điện, nước các đơn vị thuê nhà	-	772.699.947
Thu nhập khác	157.555.465	952.020.742
Cộng	1.490.937.380	13.041.791.802

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I, Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN năm hiện hành	36.697.987.250	151.025.916.689
II, Các khoản điều chỉnh tăng	585.867.272	1.034.262.555
<i>Khấu hao ô tô trên 1,6 tỷ</i>	87.918.333	87.918.333
<i>Chi phí không phục vụ SXKD</i>	67.328.182	601.853.454
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	430.620.757	344.490.768
III, Các khoản điều chỉnh giảm	63.007.765.389	65.373.524.680
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	63.007.765.389	65.373.524.680
IV, Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(25.723.910.867)	86.686.654.564
IV.1, Thu nhập chịu thuế TNDN của hoạt động kinh doanh bất động sản	22.459.929.131	-
<i>(1) Lợi nhuận từ hoạt động này trong năm</i>	30.825.886.532	-
<i>(2) Phân bổ chi phí quản lý cho hoạt động bất động sản theo doanh thu</i>	8.365.957.401	-
IV.2, Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động kinh doanh khác (IV - IV.1)	(48.183.839.998)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo thuế suất 25%	5.614.982.283	21.671.663.641
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.614.982.283	21.671.663.641
Hoàn nhập thuế tạm nộp 2% trên số tiền thu về của dự án đã nộp ghi nhận doanh thu năm nay	(5.614.982.283)	-
Thuế tạm nộp 2% trên số tiền thu về của dự án đã nộp của năm nay	1.292.420.393	11.084.432.853
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	1.292.420.393	32.756.096.494

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2012		01/01/12	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	144.356.496.084	-	77.396.436.150	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.031.587.380.082	-	1.017.289.768.801	-
Đầu tư dài hạn	26.486.324.552	-	26.486.324.552	-
Cộng	1.202.430.200.718	-	1.121.172.529.503	-

Nợ phải trả tài chính	Giá trị ghi sổ kế toán	
	31/12/2012	01/01/12
	VND	VND
Vay và nợ	422.325.311.803	361.709.386.281
Phải trả người bán, phải trả khác	1.039.517.433.939	500.414.295.241
Chi phí phải trả	168.089.041.743	363.737.819.952
Cộng	1.629.931.787.485	1.225.861.501.474

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC).


Người lập biểu
Nguyễn Quang Huy


Dương Ngọc Quang
Kế toán trưởng


Bùi Xuân Dũng
Quyển Tổng giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2013

Phụ lục 01

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ						
Số dư đầu năm	28.545.448.097	3.104.007.826	13.180.451.919	5.124.354.056	0	49.954.261.898
Số tăng trong năm	389.997.273	1.454.545.455	0	375.975.454	0	2.220.518.182
- Mua trong năm	389.997.273	1.454.545.455	0	375.975.454	0	2.220.518.182
Số giảm trong năm	0	0	0	0	0	0
- Điều chuyển	0	0	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0	0	0	0
Số dư cuối năm	28.935.445.370	4.558.553.281	13.180.451.919	5.500.329.510	0	52.174.780.080
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	9.961.003.330	2.526.168.522	8.131.946.664	4.090.130.370	0	24.709.248.886
Số tăng trong năm	1.189.787.144	303.785.619	1.126.017.139	440.846.693	0	3.060.436.595
- Khấu hao trong năm	1.189.787.144	303.785.619	1.126.017.139	440.846.693	0	3.060.436.595
- Hao mòn trong năm	0	0	0	0	0	0
- Tăng khác	0	0	0	0	0	0
Số giảm trong năm	0	0	0	0	0	0
- Điều chuyển tài sản	0	0	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0	0	0	0
Số dư cuối năm	11.150.790.474	2.829.954.141	9.257.963.803	4.530.977.063	0	27.769.685.481
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	18.584.444.767	577.839.304	5.048.505.255	1.034.223.686	0	25.245.013.012
Tại ngày cuối năm	17.784.654.896	1.728.599.140	3.922.488.116	969.352.447	0	24.405.094.599

Phụ lục 02

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào Công ty con				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng	Số 201 Võ Thị Sáu - Quận 3 - TP Hồ Chí	19,75%	19,75%	Bất động sản, xây dựng
Công ty Cổ phần Lắp máy và Điện nước	Số 198 - Phố Nguyễn Tuấn - Hà Nội	30,00%	30,00%	Xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 34	Phường Nhân Chính Thanh Xuân - Hà Nội	30,00%	30,00%	Xây dựng
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư và Xây dựng	Số 145 - Dốc Ngừ - Ba Đình - TP Hà Nội	27,00%	27,00%	Xây dựng
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội	Số 59 - Phố Quang Trung - TP Hà Nội	50,36%	50,36%	Xây dựng
Công ty Cổ phần Bạch Đằng	Ngõ 44 Hàm Tử Quan - Chương Dương - Hà Nội	22,10%	22,10%	Thủ công san nền, Xây dựng, tư vấn
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4	243 A La Thành - Láng Thượng - Hà Nội	25,86%	25,86%	Tư vấn, Xây dựng
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế XD KD Nhà	Tầng 1-2 Nhà B5 - Làng Quốc tế Thăng	36,00%	36,00%	Tư vấn, thiết kế
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	31 Dịch Vọng - Cầu Giấy - Hà Nội	28,07%	28,07%	Xây dựng, sản xuất bê tông
Công ty Cổ phần Xây dựng số 6 (Trung Đô)	Số 205 Lê Duẩn - Nghệ An	32,57%	32,57%	Xây dựng, sản xuất mua bán VLXD
Công ty Cổ phần Bê tông Xây dựng Hà Nội	Xã Đông Ngạc - Từ Liêm - Hà Nội	28,05%	28,05%	Sản xuất bê tông, Xây dựng
Công ty Cổ phần Thi Công Cơ giới và Xây lắp	Số 2A- Ngõ 85 Hạ Đình- Thanh Xuân - Hà Nội	28,53%	28,53%	Xây dựng, kinh doanh VLXD
Công ty Cổ phần XD Đô thị và KCN Quảng Ngãi	22 Quang Trung - Lê Hồng Phong - Quảng Ngãi	26,09%	26,09%	Xây dựng
Công ty Cổ phần Phát triển KT Xây dựng	Số 243 La Thành - Đống Đa - Hà Nội	19,66%	19,66%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Đầu tư PT Nhà và XD Tây Hồ	Số 9/12 Đường Thái Mai - Tây Hồ - Hà Nội	50,09%	50,09%	Sản xuất, kinh doanh dịch vụ Thương mại và Xây dựng
Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh	48 Láng Hạ - Cầu Giấy - Hà Nội	39,33%	39,33%	Xây dựng, bất động sản, tư vấn
Công ty Cổ phần Xây dựng K2	Xã Quảng Thịnh - Quảng Xương - Thanh Hoá	51,49%	51,49%	Xây dựng, Tư vấn thiết kế
Công ty Cơ khí và Xây lắp	Km 1 Quốc lộ 3- xã Mai Lâm- Đông Anh- Hà Nội	29,95%	29,95%	Cơ khí và Xây dựng
Công ty Liên doanh Xây dựng VIC	Lô B12/D6 Khu ĐTM Cầu Giấy - Hà Nội	55,50%	55,50%	Sản xuất và kinh doanh bê tông đúc sẵn, Xây dựng, bất động sản
Công ty CP đầu tư và DV BDS Hancorp	Tầng 7, 57 Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội.	50,00%	50,00%	KD Bất động sản, tư vấn môi giới
Công ty CP Thiết bị và VLXD Hancorp	Tầng 7, 57 Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội.	100,00%	100,00%	Sản xuất bê tông, VLXD, Xây dựng.

Dầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

Công ty Liên doanh Quốc tế Hồ Tây	Số 3 Phố Đức Chính - Ba Đình	21,51%	21,51%	Kinh doanh khách sạn	
Công ty Cổ phần BOT Phú Mỹ	Số 201 Võ Thị Sáu - quận 3 - TP HCM	11,27%	11,27%	Sản xuất, truyền tải, phân phối điện	
Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong	Thị trấn Kim Sơn - Quế Phong - Nghệ An	49,62%	49,62%	Sản xuất Xi măng	
Công ty Cổ phần Xi măng Mỹ Đức	Số 192 - Đường Ba La - Thị xã Hà Đông - Hà Tây	58,08%	58,08%		
Công ty Cổ phần ĐT và XD Quốc Tế VIGÉBA	Số 45 C Giảng Võ - Ba Đình- Hà Nội	29,44%	29,44%	Xây dựng, kinh doanh Bất động sản	
Công ty Cổ phần Xây dựng Lạc Hồng	Số 98 Hồng Liên - Thanh Xuân- Hà Nội	10,00%	10,00%	Xây dựng, buôn bán VLXD	
Công ty Cổ phần ĐT XD Bất động sản Lanmark	Làng Quốc tế Thăng Long - Dịch Vọng - Cầu Giấy - Hà Nội	27,00%	27,00%	Xây dựng, Bất động sản; Tư vấn, quản lý BDS	
Công ty Cổ phần Ngôi sao An Bình	234 Phạm Văn Đồng - Cổ Nhuế - Từ Liêm - HN	14,00%	14,00%	Kinh doanh bất động sản, Cho thuê nhà ở, văn phòng	
Công ty Cổ phần Sahabak	Chợ mới - Bắc Kạn	25,00%	25,00%	Sản xuất và chế biến gỗ;	
Công ty CP Dầu tư dẻo Cà	57 Quang Trung - Hai Bà Trưng - Hà Nội	63,93%	63,93%	Đầu tư dự án Hầm đường bộ qua Đèo Cả	
Công ty CP Phát triển Dầu tư Bắc Hà Nội	243 Giải phóng - Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội	26,32%	26,32%	KD Bất động sản; Xây dựng hạ tầng đô thị	

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn:

Phụ lục 03

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của Chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ Dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	535.675.869.083	556.360.000	4.829.460.594	213.199.136.327	24.828.616.877	-	779.089.442.881
Tăng vốn trong năm trước	361.359.275.137	564.676.632	-	110.362.060.097	12.984.013.445	129.840.134.454	615.110.159.765
Phân phối lợi nhuận				110.362.060.097	12.984.013.445		123.346.073.542
Tăng vốn chủ sở hữu từ số dư quỹ đầu tư phát triển và Dự phòng tài chính	361.359.275.137						361.359.275.137
Lãi/(lỗ) trong năm trước		564.676.632				129.354.253.048	129.354.253.048
Tăng khác						485.881.406	1.050.558.038
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	323.561.196.424	37.798.078.713	129.801.188.151	491.160.463.288
Phân phối lợi nhuận						129.801.188.151	129.801.188.151
Tăng vốn chủ sở hữu				323.561.196.424	37.798.078.713		361.359.275.137
Số dư cuối năm trước	897.035.144.220	1.121.036.632	4.829.460.594	-	14.551.609	38.946.303	903.039.139.357
Tăng vốn trong năm nay	26.064.003.239	-	-	22.959.606.818	3.111.845.127	31.083.004.967	83.218.460.150
Tăng vốn trong năm nay							-
Tăng do phân phối lợi nhuận	26.064.003.239			22.959.606.818	3.111.845.127		52.135.455.183
Lãi/(lỗ) trong năm nay						31.083.004.967	31.083.004.967
Điều chỉnh theo biên bản kiểm toán nhà nước						0	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	22.959.606.818	3.104.396.422	31.121.951.270	57.185.954.509
Phân phối lợi nhuận						31.118.451.269	31.118.451.269
Giảm khác				22.959.606.818	3.104.396.422	3.500.001	26.067.503.240
Số dư cuối năm nay	923.099.147.459	1.121.036.632	4.829.460.594	-	22.000.314	-	929.071.644.998